TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2023
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Ngô Văn Bi
- Ông Thạch Tân Dân
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 155/2022/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2022, về việc tranh chấp: "*Xin ly hôn, nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐST- HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ, ngày, 06/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Hoài T, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Số 95, ấp V 1, xã L, TX. T, tỉnh G
Bị *đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh G.

(Ông T xin vắng mặt, bà B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Trần Hoài T trình bày:*

Ông Trần Hoài T và bà Nguyễn Thị B tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn ngày 11/10/2016, tại Ủy ban nhân dân xã L. Vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 16/6/2019 thì bà B bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, đến nay. Thời gian bà B về nhà cha mẹ ruột sống, ông T có đến trao đổi, hàn gắn

tình cảm và rước bà B về nhưng bà B không đồng ý. Vợ chồng sống xa cách thời gian dài, không liên lạc nên tình cảm của ông Trúc đối với bà B không còn. Nay ông T xin ly hôn với bà B.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về việc công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị B hợp lệ. Nhưng bà B không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của ông T.

***** *Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, xét thấy:

Về hôn nhân: Ông T và bà B tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn. Trong thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Bà B được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét cử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu xem xét.

Về án phí: Đương sự nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật

Ông Trần Hoài T xin ly hôn với và bà Nguyễn Thị B nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Tân Phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, ông Trần Hoài T có đơn xin vắng tại phiên tòa. Bà Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt ông T và bà B.

[2] Về nội dung vụ kiện

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hoài T và bà Nguyễn Thị B có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà B được pháp luật công nhận. Theo trình bày của ông T, bà B tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 16/6/2019. Vợ

chồng chống sống xa cách thời gian dài nhưng không hàn gắn được tình cảm. Nay tình cảm của ông T đối với bà B không còn nên ông T xin ly hôn. Xét thấy: Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải đến lần thứ 02, là tạo điều cho ông T và bà B gặp nhau để trao đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà B vẫn không đến, chứng tỏ bà B bỏ mặc quan hệ hôn nhân của ông bà cho ông T quyết định. Ông T cho rằng vợ chồng không còn liên lạc với nhau từ năm 2019, không còn tình cảm nên xin ly hôn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên:

Phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Trần Hoài T nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bà Nguyễn Thị B không nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 5; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Trần Hoài T.
- Ông Trần Hoài T được ly hôn với Bà Nguyễn Thị B.

2/ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

3/ Về án phí:

Ông Trần Hoài T phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, theo biên lai số 0008368, ngày 24 tháng 11 năm 2022, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú Đông. Như vậy, ông Trần Hoài T đã nộp xong án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKS ND H.Tân Phú Đông;
- Chi cục THA DS H.Tân Phú Đông;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI